

26/8
BỘ TÀI CHÍNH

Số: 63/2007/QĐ-BTC

CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

Độc lập – Tự do – Hạnh phúc

Hà Nội, ngày 18 tháng 7 năm 2007

QUYẾT ĐỊNH

Về việc quy định mức thu, chế độ thu, nộp, quản lý và sử dụng phí y tế dự phòng và phí kiểm dịch y tế biên giới

BỘ TRƯỞNG BỘ TÀI CHÍNH

Căn cứ Nghị định số 57/2002/NĐ-CP ngày 03/6/2002 của Chính phủ quy định chi tiết thi hành Pháp lệnh phí và lệ phí;

Căn cứ Nghị định số 24/2006/NĐ-CP ngày 06/3/2006 của Chính phủ sửa đổi, bổ sung một số điều của Nghị định số 57/2002/NĐ-CP ngày 03/6/2002 của Chính phủ quy định chi tiết thi hành Pháp lệnh phí và lệ phí;

Căn cứ Nghị định số 77/2003/NĐ-CP ngày 01/7/2003 của Chính phủ quy định chức năng, nhiệm vụ, quyền hạn và cơ cấu tổ chức của Bộ Tài chính;

Sau khi có ý kiến của Bộ Y tế và theo đề nghị của Vụ trưởng Vụ Chính sách Thuế,

QUYẾT ĐỊNH:

Điều 1.

1. Ban hành kèm theo Quyết định này Biểu mức thu phí y tế dự phòng và Biểu mức thu phí kiểm dịch y tế biên giới áp dụng thống nhất trong cả nước.

2. Mức thu phí y tế dự phòng, phí kiểm dịch y tế biên giới quy định tại khoản 1 Điều này áp dụng tại các cơ sở y tế dự phòng là cơ quan quản lý nhà nước hoặc đơn vị sự nghiệp thuộc hệ thống y tế dự phòng; Không áp dụng tại các cơ sở y tế dự phòng hoạt động kinh doanh dịch vụ về y tế dự phòng theo giấy phép của cơ quan nhà nước có thẩm quyền;

3. Mức thu phí y tế dự phòng, phí kiểm dịch y tế biên giới quy định bằng Đồng Việt Nam thì thu bằng Đồng Việt Nam; Mức thu qui định bằng Đô la Mỹ (USD) thì thu bằng USD hoặc bằng Đồng Việt Nam trên cơ sở qui đổi USD ra Đồng Việt Nam theo tỷ giá trên thị trường ngoại tệ liên ngân hàng do Ngân hàng Nhà nước Việt Nam công bố tại thời điểm thu phí.

Điều 2. Đối tượng phải nộp phí theo mức thu quy định tại Điều 1 Quyết định này là tổ chức, cá nhân Việt Nam và tổ chức, cá nhân nước ngoài được cơ quan Y tế dự phòng của Việt Nam thực hiện các công việc sau đây:

1. Xét nghiệm y tế dự phòng.
2. Kiểm dịch y tế biên giới.
3. Kiểm định chất lượng các loại vắc xin, sinh phẩm miễn dịch, chế phẩm diệt khuẩn, diệt côn trùng dùng trong lĩnh vực gia dụng và y tế.
4. Tiêm phòng vắc xin và xử lý côn trùng y học.

Điều 3. Phí y tế dự phòng là khoản thu thuộc ngân sách nhà nước, được quản lý và sử dụng như sau:

1. Cơ quan nhà nước có chức năng thực hiện các công việc về y tế dự phòng theo quy định của Bộ Y tế (sau đây gọi chung là cơ quan thu phí) được trích 90% (chín mươi phần trăm), riêng cơ quan thu phí kiểm dịch y tế tại thành phố Hồ Chí Minh được trích 70% (bảy mươi phần trăm), trên tổng số tiền phí thực thu được để trang trải chi phí cho công việc chuyên ngành về y tế dự phòng và thu phí theo nội dung chi cụ thể sau đây:

a) Chi trả các khoản tiền lương hoặc tiền công, các khoản phụ cấp, các khoản đóng góp theo tiền lương, tiền công, theo chế độ hiện hành cho lao động trực tiếp thu phí (không bao gồm chi phí tiền lương cho cán bộ công chức đã được hưởng tiền lương theo chế độ quy định hiện hành);

b) Chi cho công tác y tế dự phòng và thu phí gồm:

- Chi phí kiểm tra, xét nghiệm, kiểm định, kiểm dịch về y tế dự phòng, y tế biên giới;

- Kiểm tra việc thực hiện công tác y tế dự phòng;

- Chi trả tiền thù lao thuê mướn chuyên gia kiểm tra, xét nghiệm, kiểm định, kiểm dịch về y tế dự phòng và y tế biên giới;

- Chi phí hội nghị, hội thảo, họp Hội đồng kiểm định, kiểm dịch về y tế dự phòng và y tế biên giới.

c) Chi phí trực tiếp phục vụ cho việc thu phí như: văn phòng phẩm, vật tư văn phòng, điện thoại, điện, nước, công tác phí.... theo tiêu chuẩn, định mức hiện hành;

d) Chi sửa chữa thường xuyên, sửa chữa lớn tài sản, máy móc, thiết bị phục vụ trực tiếp cho công tác y tế dự phòng và thu phí; khấu hao tài sản cố định để thực hiện công việc về y tế dự phòng và thu phí;

đ) Chi mua sắm vật tư, nguyên liệu và các khoản chi khác liên quan trực tiếp đến công tác y tế dự phòng và thu phí;

e) Chi khen thưởng, phúc lợi cho cán bộ, nhân viên trực tiếp thực hiện công việc, dịch vụ và thu phí, lệ phí trong đơn vị theo nguyên tắc bình quân một năm, một người tối đa không quá 3 (ba) tháng lương thực hiện nếu số thu năm nay cao hơn năm trước và tối đa bằng 2 (hai) tháng lương thực hiện nếu số thu năm nay thấp hơn hoặc bằng năm trước, sau khi đảm bảo các chi phí quy định tại điểm a, b, c, d và đ khoản này.

Hàng năm, cơ quan thu phí phải quyết toán thu chi theo thực tế. Sau khi quyết toán đúng chế độ, số tiền phí chưa chi trong năm được phép chuyển sang năm sau để tiếp tục chi theo chế độ quy định. Tiền phí trích lại cho cơ quan thu phí để trang trải chi phí cho việc thu phí không phản ánh vào ngân sách nhà nước.

2. Cơ quan thu phí có trách nhiệm nộp vào ngân sách nhà nước 10% (mười phần trăm) tiền phí thu được; riêng cơ quan thu phí kiểm dịch tại thành phố Hồ Chí Minh là 30% (ba mươi phần trăm), theo chương, loại, khoản, mục, tiểu mục tương ứng của Mục lục ngân sách nhà nước hiện hành.

Điều 4. Quyết định này có hiệu lực thi hành sau 15 ngày, kể từ ngày đăng Công báo.

Điều 5. Quyết định này thay thế Quyết định số 21/2000/QĐ-BTC ngày 21/02/2000 của Bộ trưởng Bộ Tài chính về việc ban hành Biểu mức thu phí, lệ phí y tế dự phòng, Quyết định số 144/2000/QĐ-BTC ngày 15/9/2000 về việc sửa đổi, bổ sung một số mức thu tại Quyết định số 21/2000/QĐ-BTC và Thông tư số 84/2000/TT-BTC ngày 16/8/2000 của Bộ Tài chính hướng dẫn chế độ quản lý, sử dụng phí, lệ phí y tế dự phòng.

Điều 6. Các nội dung khác liên quan đến việc thu, nộp, quản lý, sử dụng, chứng từ thu, công khai chế độ thu phí y tế dự phòng và kiểm dịch y tế biên giới không đề cập tại Quyết định này được thực hiện theo hướng dẫn tại Thông tư số 63/2002/TT-BTC ngày 24/7/2002 của Bộ Tài chính hướng dẫn thực hiện các quy định pháp luật về phí và lệ phí và Thông tư 45/2006/TT-BTC ngày 25/5/2006 sửa đổi, bổ sung Thông tư số 63/2002/TT-BTC ngày 24/7/2002 của Bộ Tài chính hướng dẫn thực hiện các quy định pháp luật về phí và lệ phí.

Điều 7. Trong quá trình thực hiện, nếu có vướng mắc đề nghị các tổ chức, cá nhân phản ánh kịp thời về Bộ Tài chính để nghiên cứu, hướng dẫn bổ sung. /.

Nơi nhận:

- Văn phòng Trung ương và các Ban của Đảng;
- Văn phòng Quốc hội;
- Văn phòng Chủ tịch nước;
- Toà án nhân dân tối cao;
- Viện Kiểm sát nhân dân tối cao;
- Kiểm toán nhà nước;
- Các Bộ, cơ quan ngang Bộ, cơ quan thuộc Chính phủ;
- Cơ quan Trung ương của các đoàn thể;
- Ủy ban nhân dân, Sở Tài chính, Cục Thuế, Kho bạc nhà nước các tỉnh, thành phố trực thuộc Trung ương;
- Công báo;
- Website Chính phủ;
- Cục Kiểm tra văn bản (Bộ Tư pháp);
- Cục Đường bộ Việt Nam;
- Các đơn vị thuộc Bộ Tài chính;
- Website Bộ Tài chính;
- Lưu: VT, Vụ CST (CST3).

**KT. BỘ TRƯỞNG
THỨ TRƯỞNG**



Trương Chí Trung

BIỂU MỨC THU PHÍ Y TẾ DỰ PHÒNG

(Ban hành kèm theo Quyết định số 63/2007/QĐ-BTC ngày 18/7/2007
của Bộ trưởng Bộ Tài chính)

**I. Xét nghiệm phát hiện bệnh:**

TT	Loại mẫu xét nghiệm	Đơn vị tính	Mức thu
	A. Xét nghiệm máu – Xét nghiệm nước tiểu		
1.	An ti – HIV (nhanch)	đồng/xét nghiệm	40.000
2.	Ferritin	đồng/xét nghiệm	75.000
3.	Transferin receptor (PP. ELIZA)	đồng/xét nghiệm	140.000
4.	Folic acid máu (phương pháp HPLC)	đồng/xét nghiệm	180.000
5.	Vitamin A trong sữa (phương pháp HPLC)	đồng/xét nghiệm	130.000
6.	B-caroten ; Vitamin E; Vitamin A huyết thanh (phương pháp HPLC)	đồng/xét nghiệm/chỉ tiêu	90.000
7.	Vitamin B1 (máu toàn phần - HPLC)	đồng/xét nghiệm	145.000
8.	Nghiệm pháp dung nạp Glucose	đồng/xét nghiệm	30.000
9.	Glucose	đồng/xét nghiệm	15.000
10.	Cholesterol	đồng/xét nghiệm	20.000
11.	HDL, LDL - Cholesterol	đồng/xét nghiệm/chỉ tiêu	25.000
12.	Triglycerid	đồng/xét nghiệm	35.000
13.	Albumin	đồng/xét nghiệm	12.000
14.	Ure	đồng/xét nghiệm	25.000
15.	Protein - TP	đồng/xét nghiệm	12.000
16.	Creatinin	đồng/xét nghiệm	20.000
17.	Uric acid	đồng/xét nghiệm	25.000
18.	Hemoglobin	đồng/xét nghiệm	12.000
19.	Bilirubin-TP; Bilirubin -TT	đồng/xét nghiệm/chỉ tiêu	20.000
20.	TSH	đồng/xét nghiệm	55.000
21.	Insulin	đồng/xét nghiệm	60.000
22.	C-Peptide	đồng/xét nghiệm	60.000
23.	LH; FSH; Prolactin	đồng/xét nghiệm/chỉ tiêu	55.000
24.	Progesteron; Oestradiol;	đồng/xét nghiệm	55.000
25.	Testosteron	đồng/xét nghiệm	55.000
26.	PTH	đồng/xét nghiệm	180.000
27.	Cortisol;	đồng/xét nghiệm	65.000
28.	HbA1c	đồng/xét nghiệm	65.000
29.	Nước tiểu 10 thông số (máy)	đồng/xét nghiệm	15.000
30.	Microalbumin	đồng/xét nghiệm	50.000

TT	Loại mẫu xét nghiệm	Đơn vị tính	Mức thu
31.	Hồng cầu trong phân	đồng/xét nghiệm	12.000
32.	Xác định mỡ trong phân	đồng/xét nghiệm	30.000
33.	Serodia chẩn đoán HIV	đồng/xét nghiệm	40.000
34.	Elisa chẩn đoán HIV	đồng/xét nghiệm	40.000
35.	Western blot chẩn đoán HIV	đồng/xét nghiệm	500.000
36.	Đo nồng độ vi rút HIV trong máu bằng kỹ thuật cao Real Time (ARN cũng như AND)	đồng/test	1.000.000
37.	Huyết thanh chẩn đoán Leptospira	đồng/xét nghiệm	30.000
38.	Định lượng bổ thể trong huyết thanh	đồng/ xét nghiệm	30.000
39.	Chẩn đoán viêm não Nhật bản		
	- HI	đồng/ xét nghiệm	40.000
	- MAC-ELISA	đồng/ xét nghiệm	30.000
40.	Sốt xuất huyết Dengue		
	+ MAC-ELISA	đồng/xét nghiệm	25.000
	+ Phản ứng ngưng kết hồng cầu HI	đồng/xét nghiệm	100.000
	+ Pan Bio Rapid test	đồng/xét nghiệm	75.000
	+ Phân lập vi rút	đồng/xét nghiệm	340.000
41.	Sởi		
	+ HI	đồng/xét nghiệm	75.000
	+ ELISA IGM	đồng/xét nghiệm	30.000
42.	Rubella ELISA-IgG	đồng/xét nghiệm	460.000
43.	Vi rút đường hô hấp (influenza A,B, Pra, Adeno, RSV): Phương pháp miễn dịch huỳnh quang	đồng/xét nghiệm/chỉ tiêu	30.000
44.	Chlamydia		
	+ HI	đồng/xét nghiệm	40.000
	+ Phân lập vi rút	đồng/xét nghiệm	300.000
	+ ELISA phát hiện kháng nguyên	đồng/xét nghiệm	120.000
45.	Kỹ thuật chẩn đoán nhanh sốt rét (QBC, ICI, Parasite F)	đồng/xét nghiệm	30.000
46.	PCR chẩn đoán KST sốt rét (ở người và muỗi, 1 loại KST)	đồng/xét nghiệm	50.000
47.	ELISA chẩn đoán sốt rét (ở người và muỗi)	đồng/xét nghiệm	30.000
48.	Chẩn đoán huyết thanh bệnh KST (phương pháp miễn dịch huỳnh quang)	đồng/xét nghiệm	20.000
49.	Xét nghiệm KST sốt rét		
	- P. Falciparum	đồng/ xét nghiệm	10.000
	- P. Vi vax	đồng/ xét nghiệm	10.000
	- P. Malariae	đồng/xét nghiệm	20.000